

**Phụ lục II**

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10  
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN THỊ MINH KHAI  
NĂM HỌC 2025-2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 684/KH-SGDĐT ngày 14/3/2025 của Sở GDĐT)*

| STT         | Tên lớp          | Số lớp    | Chỉ tiêu<br>tuyển sinh | Ghi chú                                                                                                                             |
|-------------|------------------|-----------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Chuyên Toán      | 2         | 70                     |                                                                                                                                     |
| 2           | Chuyên Tin học   | 1         | 35                     | - 25 chỉ tiêu cho học sinh<br>đăng ký thi môn chuyên là<br>Toán.<br>- 10 chỉ tiêu cho học sinh<br>đăng ký môn chuyên là Tin<br>học. |
| 3           | Chuyên Vật lí    | 1         | 35                     |                                                                                                                                     |
| 4           | Chuyên Hóa học   | 1         | 35                     |                                                                                                                                     |
| 5           | Chuyên Sinh học  | 1         | 35                     |                                                                                                                                     |
| 6           | Chuyên Tiếng Anh | 2         | 70                     |                                                                                                                                     |
| 7           | Chuyên Ngữ văn   | 1         | 35                     |                                                                                                                                     |
| 8           | Chuyên Lịch sử   | 1         | 18                     | Lớp ghép chuyên Lịch sử-<br>Địa lí (35 học sinh).                                                                                   |
| 9           | Chuyên Địa lí    |           | 17                     |                                                                                                                                     |
| <b>Tổng</b> |                  | <b>10</b> | <b>350</b>             |                                                                                                                                     |

**Phụ lục III**

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**  
**CÁC TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025-2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 684/KH-SGDDĐT ngày 14/3/2025 của Sở GDĐT)*

| STT         | Trường                     | Số lớp | Chỉ tiêu tuyển sinh |
|-------------|----------------------------|--------|---------------------|
| 1           | THPT DTNT Huỳnh Cương      | 6      | 210                 |
| 2           | THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu   | 2      | 70                  |
| 3           | PTDTNT THCS&THPT Thạnh Phú | 2      | 70                  |
| <b>Tổng</b> |                            |        | <b>350</b>          |

Lưu ý: Địa bàn tuyển sinh của các trường dân tộc nội trú

1. Trường THPT DTNT Huỳnh Cương tuyển học sinh thuộc địa bàn thành phố Sóc Trăng, huyện Kế Sách, huyện Mỹ Tú, huyện Long Phú, huyện Châu Thành, huyện Trần Đề, huyện Cù Lao Dung.
2. Trường THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu tuyển học sinh thuộc địa bàn thị xã Vĩnh Châu.
3. Trường PTDTNT THCS&THPT Thạnh Phú tuyển học sinh thuộc địa bàn huyện Mỹ Xuyên, huyện Thạnh Trị và thị xã Ngã Năm, địa bàn thành phố Sóc Trăng (Phường 2 và Phường 10), xã Phú Mỹ thuộc huyện Mỹ Tú.

**Phụ lục IV****CHỈ TIÊU DỰ KIẾN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10  
CÁC TRƯỜNG THPT NĂM HỌC 2025-2026***(Kèm theo Kế hoạch số: 684/KH-SGDDT ngày 14/3/2025 của Sở GDĐT)*

| <b>STT</b> | <b>Trường</b>            | <b>Chỉ tiêu dự kiến</b> |
|------------|--------------------------|-------------------------|
| 1          | THPT Hoàng Diệu          | 675                     |
| 2          | THPT Thành Phố Sóc Trăng | 650                     |
| 3          | THPT Kế Sách             | 650                     |
| 4          | THPT An Lạc Thôn         | 330                     |
| 5          | THPT Phan Văn Hùng       | 300                     |
| 6          | THPT Thiều Văn Chỏi      | 450                     |
| 7          | THPT Huỳnh Hữu Nghĩa     | 350                     |
| 8          | THPT Mỹ Hương            | 175                     |
| 9          | THPT An Ninh             | 300                     |
| 10         | THCS&THPT Mỹ Thuận       | 220                     |
| 11         | THCS&THPT Long Hưng      | 120                     |
| 12         | THPT Mỹ Xuyên            | 530                     |
| 13         | THPT Văn Ngọc Chính      | 310                     |
| 14         | THPT Hòa Tú              | 300                     |
| 15         | THPT Ngọc Tố             | 170                     |
| 16         | THPT Lương Định Của      | 340                     |
| 17         | THPT Đại Ngãi            | 430                     |
| 18         | THCS&THPT Tân Thạnh      | 320                     |
| 19         | THCS&THPT Dương Kỳ Hiệp  | 135                     |
| 20         | THPT Đoàn Văn Tố         | 380                     |
| 21         | THPT An Thạnh 3          | 220                     |

| <b>STT</b>  | <b>Trường</b>        | <b>Chỉ tiêu dự kiến</b> |
|-------------|----------------------|-------------------------|
| 22          | THPT Trần Văn Bảy    | 630                     |
| 23          | THPT Thạnh Tân       | 280                     |
| 24          | THCS&THPT Hưng Lợi   | 160                     |
| 25          | THPT Mai Thanh Thế   | 480                     |
| 26          | THPT Lê Văn Tám      | 260                     |
| 27          | THPT Ngã Năm         | 220                     |
| 28          | THPT Nguyễn Khuyến   | 500                     |
| 29          | THPT Vĩnh Hải        | 315                     |
| 30          | THCS&THPT Lai Hòa    | 280                     |
| 31          | THCS&THPT Khánh Hòa  | 280                     |
| 32          | THPT Thuận Hòa       | 480                     |
| 33          | THPT Phú Tâm         | 260                     |
| 34          | THPT Lịch Hội Thượng | 380                     |
| 35          | THCS&THPT Trần Đề    | 270                     |
| <b>Tổng</b> |                      | <b>12.150</b>           |